

Số: 248/BC-SNN

Đắk Nông, ngày 30 tháng 01 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả”, vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB) tỉnh Đắk Nông năm 2018

Kính gửi: Tổng cục Thủy lợi.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 6063/UBND-NN, ngày 29 tháng 11 năm 2018 về việc báo cáo kết quả thực hiện Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả”. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả thực hiện Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả, vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB) tỉnh Đắk Nông năm 2018 (sau đây gọi tắt Chương trình), nội dung chi tiết như sau:

1. Đặc điểm tình hình triển khai Chương trình

1.1. Thuận lợi:

- Được sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Thế giới (WB), Ban điều phối Chương trình cấp nước Trung ương; có sự phối hợp giữa các Sở, Ban, ngành, chính quyền địa phương các cấp và nhân dân vùng triển khai Chương trình.

- UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo các cấp, các Sở, Ban, ngành có liên quan để triển khai thực hiện Chương trình kịp thời.

1.2. Khó khăn:

Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả, vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB) là Chương trình mới, giải ngân nguồn vốn dựa trên kết quả đầu ra nên trong quá trình triển khai, các Sở, ngành, UBND các huyện được giao nhiệm vụ thực hiện Chương trình còn gặp nhiều trở ngại và triển khai thực hiện các văn bản, quy định của Chương trình, Trung ương chưa kịp thời.

2. Kết quả thực hiện Chương trình năm 2018

2.1. Hợp phần 1 (cấp nước nông thôn):

a) Tiểu hợp phần 1 (cấp nước cho cộng đồng dân cư):

Kế hoạch Chương trình năm 2018 tỉnh Đắk Nông triển khai đầu tư xây dựng tổng cộng 13 công trình cấp nước cho cộng đồng dân cư, trong đó công trình cải tạo, nâng cấp mở rộng 5 công trình và xây mới 8 công trình. Đến hết 31/12/2018 đã có 11 công trình phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật (đồng thời

giao kế hoạch vốn đầu tư Chương trình năm 2018), trong đó 06 công trình đang triển khai thi công phần xây lắp (02 công trình huyện Đắk R'lấp, 02 công trình huyện Đắk Glong và 02 công trình huyện Krông Nô) và 05 công trình đang tiến hành công tác lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng.

* Dự kiến số đầu nôi nước hộ gia đình được đầu tư từ nguồn vốn hợp pháp khác (không thuộc vốn Chương trình) đưa vào kiểm đếm Chương trình năm 2018: 1.235 đầu nôi.

b) Tiểu hợp phần 2 (cấp nước và vệ sinh trường học):

Năm 2018 đã hoàn thành thi công xong 13 công trình cấp nước và vệ sinh trường học, trong đó huyện Đắk R'lấp 09 công trình, huyện Cư Jút 04 công trình.

2.2. Hợp phần 2 (vệ sinh nông thôn):

- Đối với công tác hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh hộ gia đình: Mục tiêu năm 2018, kế hoạch Chương trình hỗ trợ xây dựng 509 nhà tiêu hợp vệ sinh hộ gia đình tại 05 huyện, trong đó huyện Đắk Song (100 nhà tiêu), huyện Cư Jút (160 nhà tiêu), huyện Đắk Mil (149 nhà tiêu), huyện Tuy Đức (50 nhà tiêu) và huyện Đắk R'lấp (50 nhà tiêu). Hiện tại UBND các huyện đơn đốc UBND các xã tập trung tuyên truyền, vận động và nghiệm thu khối lượng và tiến hành hỗ trợ cho các hộ dân đã xây dựng xong nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Đối với việc xây dựng công trình cấp nước và vệ sinh trạm y tế: Theo kế hoạch năm 2018 trên địa bàn tỉnh triển khai đầu tư xây dựng 10 công trình cấp nước và vệ sinh trạm y tế, tuy nhiên đến 31/12/2018 chưa có công trình cấp nước và vệ sinh trạm y tế hoàn thành giai đoạn lập dự án (phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật, mã dự án).

* Kế hoạch năm 2018 đạt 12 xã vệ sinh toàn xã, tính hết 31/12/2018 có 9 xã đạt các tiêu chí vệ sinh toàn xã.

2.3. Hợp phần 3 (Nâng cao năng lực, truyền thông; kiểm tra, giám sát và đánh giá Chương trình):

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Trung tâm Nước sạch và VSMTNT), Sở Y tế và Sở Giáo dục và Đào tạo hoàn thành 11 hoạt động tăng cường năng lực đã được phê duyệt và thực hiện.

2.4. Kết quả thực hiện giải ngân kế hoạch vốn năm 2018

a) Nguồn vốn sự nghiệp:

- Kế hoạch vốn sự nghiệp được giao năm 2018: 1.459.000.000 đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 1.270.000.000 đồng.

+ Ngân sách địa phương (vốn đối ứng Ngành Y tế): 189.000.000 đồng.

- Ước thực hiện giải ngân đến hết 31/01/2019: 745.611.139 đồng; đạt 51,10% kế hoạch.

b) Nguồn vốn Đầu tư phát triển:

- Kế hoạch vốn đầu tư phát triển được giao năm 2018: 47.126.400.000 đồng, trong đó:

+ Vốn vay lại: 5.173.000.000 đồng.

+ Vốn WB: 41.953.400.000 đồng.

- Ước thực hiện giải ngân đến hết 31/01/2019: 17.891.123.051 đồng; đạt 42,64% kế hoạch.

3. Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình năm 2018

3.1. Mặt đạt được:

- Nâng cao sự hiểu biết của người dân về lĩnh vực nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, tầm quan trọng sử dụng nước hợp vệ sinh, công trình vệ sinh hộ gia đình.

- Công tác thông tin, truyền thông, giáo dục được tăng cường, có sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các cơ quan truyền thông đại chúng.

3.2. Tồn tại:

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình thực hiện Chương trình còn một số tồn tại sau:

- Tuy có sự phối hợp giữa ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện nhưng chưa chủ động, chặt chẽ.

- Công tác lập báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình cấp nước nông thôn còn chậm dẫn đến công tác thẩm định, trình phê duyệt dự án, do đó dẫn đến công tác giao kế hoạch vốn Chương trình năm 2018 còn chậm.

- Sự chuyển biến về công tác vận động, tuyên truyền xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh hộ gia đình của UBND các huyện (chủ đầu tư) và các đơn vị liên quan còn chậm, một bộ phận dân cư nông thôn còn nhận thức hạn chế, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

4. Nguyên nhân và giải pháp khắc phục

4.1. Nguyên nhân:

a) Khách quan:

Theo quy định, nguồn vốn Chương trình chỉ được giải ngân khi có kết quả đầu ra, chỉ tạm ứng 25% kế hoạch vốn hàng năm, mặt khác vốn ngân sách tỉnh Đắk Nông rất hạn chế, ngân sách Trung ương hàng năm hỗ trợ trên 70%. Do đó, việc bố trí vốn ứng trước, huy động vốn từ nguồn lực khác cho các đơn vị triển khai đạt kết quả kiểm đếm hàng năm là rất khó khăn.

- Hiểu biết của người dân về nước sạch về vệ sinh môi trường nông thôn còn hạn chế.

b) Chủ quan:

- Một số nơi, chính quyền địa phương chưa thực sự quan tâm đúng mức về công tác nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, nhận thức của người dân còn nhiều hạn chế nên việc huy động các nguồn thực tham gia còn gặp nhiều khó khăn.

- Đây là Chương trình mới, các cán bộ chuyên trách ở tuyến tỉnh, tuyến huyện, xã còn nhiều ngỡ ngàng khi triển khai thực hiện.

4.2. Giải pháp khắc phục:

- Tăng cường công tác tập huấn, nâng cao năng lực tuyến cơ sở; nâng cao năng lực truyền thông, vận động cộng đồng cùng tham gia.

- Hướng dẫn cụ thể về các tiêu chí và các điều khoản của Chương trình, hỗ trợ các kỹ năng báo cáo cho các tuyến huyện, xã.

5. Đề xuất kiến nghị

Kính đề nghị các Bộ, ngành Trung ương, Ngân hàng Thế giới xem xét bố trí thêm nguồn vốn sự nghiệp cho tỉnh Đắk Nông để triển khai các hoạt động truyền thông hợp phần 3 (nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát theo dõi và đánh giá Chương trình) của 3 ngành Nông Nghiệp, Y tế và Giáo dục và Đào tạo.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả,” vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB) tỉnh Đắk Nông năm 2018.

(Có báo cáo chi tiết kết quả thực hiện Chương trình tỉnh Đắk Nông năm 2018 kèm theo).

Kính đề nghị Tổng cục Thủy lợi xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay báo cáo);
- UBND các huyện;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế, Giáo dục và Đào tạo;
- GD, PGĐ Lê Quang Dân;
- Đăng Website Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Lưu: VT, TTN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Quang Dân

BÁO CÁO CHI TIẾT KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỞ RỘNG QUY MÔ VỆ SINH VÀ NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN DỰA TRÊN KẾT QUẢ, VAY VỐN NGÂN HÀNG THẾ GIỚI (WB) TỈNH ĐẮK NÔNG
GIẢI ĐOẠN CHƯƠNG TRÌNH: NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số: 248/BC-SNN ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông)

I. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CHỈ SỐ GIẢI NGÂN

BẢNG I-1: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CHỈ SỐ GIẢI NGÂN CỦA TỈNH		
DLI	Mục tiêu	Kết quả đạt được
DLI 1.1 Kế hoạch Truyền thông Thay đổi Hành vi đã phê duyệt được thực hiện ở tỉnh	01	01
DLI 1.2 Số Xã mới đạt được Vệ sinh toàn xã	12	09
DLI 1.3 Số Đầu nối Cấp nước tới hộ gia đình được cải tạo hay mới xây dựng đang hoạt động	4.100	1.235
DLI 2.1 Số hộ gia đình trong Tỉnh có Hệ thống Nước Bền vững	0	0
DLI 2.2 Số Xã đã đạt được tình trạng Vệ sinh Toàn xã cách đây 2 năm dương lịch, nơi tất cả các mẫu giáo, trường tiểu học và trung học và trung tâm y tế duy trì được Tình trạng Vệ sinh	0	0
DLI 3.1 Số Kế hoạch và Báo cáo Chương trình hàng năm được công bố công khai	01	01
DLI 3.2 Số Kế hoạch Phát triển Năng Lực Hàng năm đã phê duyệt được thực hiện	01	01

BẢNG I-2: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CHỈ SỐ GIẢI NGÂN 1.1		
	Mục tiêu	Kết quả đạt được
DLI 1.1 Kế hoạch Truyền thông Thay đổi Hành vi đã phê duyệt được thực hiện ở tỉnh: Liệt kê các hoạt động được thực hiện theo kế hoạch BCC		

NGÀNH Y TẾ**Hoạt động cấp tỉnh**

<p>- Hoạt động 1: Hội nghị triển khai Chương trình cấp tỉnh hợp phần vệ sinh Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả của ngành Y tế năm 2018</p>	01	<p>Số lượng: 01 lớp hội nghị được triển khai tại tỉnh được thực hiện: Tổng số người tham dự: 65 Nam: 40, Nữ: 25, Dân tộc thiểu số: 05 Thời gian: Ngày 21/08/2018.</p>
<p>- Hoạt động 2: Tập huấn về truyền thông thay đổi hành vi và phát triển thị trường vệ sinh cho cán bộ tỉnh, huyện</p>	02	<p>Số lượng: 02 lớp tập huấn Tổng số người tham dự: 78 Nam: 27, Nữ: 51, Dân tộc thiểu số: 09 Thời gian: 04 ngày (31/7 - 01/8 và 09/8 - 10/8/2018)</p>
<p>- Hoạt động 3: Truyền thông, tổ chức sự kiện</p>		<p>- Tổ chức lễ phát động hưởng ứng “ngày thế giới rửa tay với xà phòng” tại 03 xã (Năm N’Jang, Đức Mạnh, Đức Xuyên) với 300 người tham dự với 116 nữ, 184 nam 54, người dân tộc thiểu số. Thời gian thực hiện 03 ngày (từ ngày 13-15/10/2018) - Tổ chức lễ phát động hưởng ứng ngày Nhà vệ sinh thế giới và thông báo xã đạt vệ sinh toàn xã năm 2017 tại 03 xã (Đăk Wer, Kiến Thành, Thuận An) với 300 người tham dự. Trong đó: 132 nữ, 168 nam và 49 người dân tộc thiểu số. Thời gian triển khai: 03 ngày từ</p>

		<p>ngày 19/11-21/11/2018.</p> <p>- Ngày 22/8/2018, trên trang Web của Sở Y tế Đắk Nông đăng tin “Hội nghị triển khai Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn ngành y tế năm 2018, tại địa chỉ: http://syt.daknong.gov.vn/tintuc/tintuc/Lists/Posts/Post.aspx?CategoryId=6&ItemID=2439&PublishedDate=2018-08-22T08:40:00Z</p> <p>Ngày 20/10/2018, trên trang Web của Sở Y tế Đắk Nông tuyên truyền về “Lễ phát động hưởng ứng ngày thế giới rửa tay với xà phòng”, tại địa chỉ: http://syt.daknong.gov.vn/TinTuc/tintuc/Lists/Posts/Post.aspx?CategoryId=6&ItemID=2515&PublishedDate=2018-10-12T08:50:00Z</p>
<p>- Hoạt động 4: Khảo sát, xác định và thành lập cửa hàng tiện ích và mạng lưới chuỗi cung ứng (thợ xây cộng tác viên bán hàng</p>	<p>09</p>	<p>09 cửa hàng đã được lựa chọn cho 11 xã đạt vệ sinh toàn xã, cụ thể như phụ lục đính kèm theo:</p>
<p>- Hoạt động 5: Kiểm tra, giám sát chất lượng nước theo quy chuẩn cho trường và trạm y tế các xã đạt vệ sinh toàn xã</p>		<p>Đánh giá chất lượng nước sử dụng tại các Trường học và TYT xã theo quy chuẩn QCVN 02: 2009/BYT và theo hướng dẫn của sổ tay thực hiện chương trình.</p>

- Hoạt động 6: In ấn, cấp phát các tài liệu truyền thông về Chương trình và Nước sạch nông thôn		11 băng rôn, 5000 tờ rơi, 11 bảng hiệu CHTI, 20 mô hình nhà tiêu. Thực hiện trong tháng 10 và 11 năm 2018
- Hoạt động 7: Báo cáo kết quả hoạt động của Chương trình	01	01 báo cáo năm Chương trình
- Hoạt động 10: Điều tra, giám sát	11 xã	Số lượng: 11 xã + Tổ chức 1 đợt điều tra ban đầu về các chỉ số: Vệ sinh HGD, Vệ sinh TYT xã, vệ sinh trường học tại 11 xã (Nhân Cơ, Nghĩa Thắng, Hưng Bình, Năm N'Jang, Thuận Hà, Long Sơn, Đức Mạnh, Đăk Săk, Tâm Thắng, Trúc Sơn, Đức Xuyên) + Tổ chức 01 giám sát chất lượng nước tại trạm Y tế xã và các trường học + Tổ chức 01 đợt kiểm điểm đánh giá hoạt động vệ sinh tại 5 xã vệ sinh toàn xã năm 2017.
Hoạt động cấp huyện		
- Hoạt động 9: Tổ chức hội nghị triển khai chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả ở tuyến huyện	Đề các lãnh đạo UBND huyện các đơn vị có liên quan, UBND và các đơn vị ở cấp xã được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình biết được kế hoạch và mục tiêu cần đạt được của chương	Số lượng: 01 lớp hội nghị cấp tỉnh được triển khai tại tỉnh được thực hiện: Tổng số người tham dự: 65 với 05 cán bộ tuyến tỉnh và 60 cán bộ ở các đơn vị cấp huyện: Phòng y tế, phòng giáo dục, phòng nông nghiệp, Ban quản lý các dự án huyện, Trung tâm Y tế huyện Đăk R'Lấp, Đăk Song, Đăk Mil, Cư Jút

	<p>trình trong năm 2018 để tổ chức thực hiện có hiệu quả</p>	<p>và Krông Nô và UBND xã, trưởng trạm và chuyên trách VSMT của 11 xã (Nhân Cơ, Đạo Nghĩa, Hưng Bình, Nam Njang, Thuận Hà, Đức Mạnh, Đăk Săc, Long Sơn, Trúc Sơn, Tâm Thắng và Đức Xuyên tham gia); Nam: 36, Nữ: 24, Dân tộc thiểu số: 05 Thời gian: Ngày 21/08/2018. Nội dung: Được Trung tâm Y tế Dự phòng (tên cũ) nay là Trung tâm kiểm soát bệnh tật triển khai theo kế hoạch BCC của toàn tỉnh và phân tích mục tiêu cần đạt đối với vệ sinh toàn xã ở từng xã.</p>
<p>- Hoạt động 10: Tổ chức họp đánh giá kết quả thực hiện chương trình năm 2018 ở quy mô cấp huyện</p>	<p>Giúp lãnh đạo UBND huyện, lãnh đạo các đơn vị liên quan kịp thời cập nhật thông tin tình hình thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện trong năm 2018, từ đó có cơ sở tiếp tục chỉ đạo các giải pháp duy trì công tác vệ sinh tại các xã VSTX</p>	<p>Hoạt động này thực thực hiện lồng ghép vào hoạt động khảo sát kết quả thực hiện VSTX ở tại 11 xã do Trung tâm kiểm soát bệnh tật thực hiện. Sau đợt khảo sát sẽ bố trí 01 ít thời gian để báo cáo kết quả với lãnh đạo UBND huyện cùng các thành viên tham gia, cụ thể: - Tại huyện Đăk R'lấp vào ngày 24 /12/ 2018 với sự chủ trì của đồng chí Phó chủ tịch huyện cùng lãnh đạo Phòng giáo dục, Y tế, Trung tâm Y tế, Ban quản lý các án huyện, cùng cán bộ Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đăk Nông. - Tại huyện Đăk Song vào ngày 27</p>

/12/ 2018 với sự chủ trì của đồng chí Phó chủ tịch huyện cùng lãnh đạo Phòng giáo dục, Y tế, Trung tâm Y tế, Ban quản lý các án huyện, cùng cán bộ Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường tỉnh Đắk Nông.

- Tại huyện Đắk Mil vào ngày 28/12/ 2018 với sự chủ trì của đồng chí Trưởng phòng y tế huyện thừa ủy quyền của lãnh đạo UBND huyện cùng lãnh đạo Phòng giáo dục, Ban quản lý các án huyện, cùng cán bộ Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông.

- Tại huyện Krông Nô vào ngày 30/12 / 2018 với sự chủ trì của đồng chí Trưởng phòng y tế huyện thừa ủy quyền của lãnh đạo UBND huyện cùng lãnh đạo Phòng giáo dục, Ban quản lý các án huyện, Trung tâm Y tế huyện, Phòng Nông nghiệp huyện cùng cán bộ Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông.

- Tại huyện Cư Jút vào ngày 29/12/ 2018 với sự chủ trì của đồng chí Giám đốc Ban quản lý các dự án huyện thừa ủy quyền của lãnh đạo UBND huyện cùng đồng chí Giám đốc Trung tâm nước sạch và vệ

		<p>sinh môi trường nông thôn tinh; lãnh đạo Phòng giáo dục, các đồng chí trong Ban quản lý các án huyện, Trung tâm Y tế huyện, lãnh đạo UBND xã Trúc Sơn và Tâm Thắng cùng cán bộ Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông, Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tinh</p>
<p>- Hoạt động 11: Tập huấn cho cán bộ xã và CTV thôn về kiến thức và kỹ năng truyền thông về nhà tiêu HVS</p>	<p>08</p>	<p>Số lượng: 8 lớp tại 11 xã VSTX với số lượng học viên tham gia: 250 người <i>Lớp thứ nhất:</i> Địa điểm UBND xã Nhân Cơ Thời gian: 06-07/12/2018 Tổng số người tham dự: 23 người (11 nữ, 02 dân tộc thiểu số) <i>Lớp thứ 2:</i> Địa điểm UBND xã Nghĩa Thắng Thời gian: 08-09/12/2018 Tổng số người tham dự: 26 người (16 nữ, 01 dân tộc thiểu số) <i>Lớp thứ 3:</i> Địa điểm UBND xã Hưng Bình Thời gian: 10-11/12/2018 Tổng số người tham dự: 23 người (10 nữ, 05 dân tộc thiểu số) <i>Lớp thứ 4:</i> Địa điểm UBND xã Năm N'Jang Thời gian: 12-13/12/2018 Tổng số người tham dự: 32 người</p>

	<p>(15 nữ, 05 dân tộc thiểu số) <i>Lớp thứ 5:</i> Địa điểm UBND xã Thuận Hà Thời gian: 14-15/12/2018 Tổng số người tham dự: 24 người (13 nữ, 03 dân tộc thiểu số) <i>Lớp thứ 6:</i> Địa điểm UBND xã Đức Xuyên Thời gian: 17-18/12/2018 Tổng số người tham dự: 20 người (05 nữ, 02 dân tộc thiểu số) <i>Lớp thứ 7:</i> Địa điểm Trung tâm Y tế huyện Đắk Mil Thời gian: 21-22/12/2018 Tổng số người tham dự: 76 người (26 nữ, 07 dân tộc thiểu số) <i>Lớp thứ 8:</i> Địa điểm Trung tâm Y tế huyện Cư Jut Thời gian: 19-20/12/2018 Tổng số người tham dự: 56 người (23 nữ, 06 dân tộc thiểu số) - Sau khi hoàn thành khóa học các học viên sẽ lập được kế hoạch thực hiện VSNT cấp xã, thôn. Tổ chức triển khai, thu thập số liệu, tổng hợp báo cáo giám sát đánh giá kết quả thực hiện của kế hoạch thay đổi hành vi vệ sinh tại cộng đồng theo hướng dẫn chương trình. Xác định</p>
--	---

		<p>được nhiệm vụ và thể hiện trách nhiệm, sự quan tâm, nhiệt tình của cán bộ thực hiện VSNT cấp xã, thôn khi tham gia các hoạt động VSNT. Thời gian triển khai: từ ngày 06-22/12/2018</p>
<i>Hoạt động cấp xã</i>		
<p>- Hoạt động 12: Hội nghị giới thiệu chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả tuyến xã năm 2018</p>	<p>11</p>	<p>Số lượng: 11 hội nghị Tổng số người tham dự: 354 Nam: 229, Nữ: 125, Dân tộc thiểu số: 45; Thời gian: 11 ngày, từ 08 – 24/10/2018 <i>HN thứ nhất:</i> Địa điểm UBND xã Nhân Cơ Thời gian: 08/10/2018 Tổng số người tham dự: 34 người (15 nữ, 04 dân tộc thiểu số) <i>HN thứ 2:</i> Địa điểm UBND xã Nghĩa Thắng Thời gian: 09/10/2018 Tổng số người tham dự: 30 người (14 nữ, 02 dân tộc thiểu số) <i>HN thứ 3:</i> Địa điểm UBND xã Hưng Bình Thời gian: 10/10/2018 Tổng số người tham dự: 24 người (10 nữ, 02 dân tộc thiểu số) <i>HN thứ 4:</i> Địa điểm UBND xã Đức Xuyên Thời gian: 11/10/2018</p>

Tổng số người tham dự: 23 người
(06 nữ, 02 dân tộc thiểu số)

HN thứ 5:

Địa điểm UBND xã Thuận Hà

Thời gian: 16/10/2018

Tổng số người tham dự: 25 người
(10 nữ, 02 dân tộc thiểu số)

HN thứ 6:

Địa điểm UBND xã Năm Jang

Thời gian: 17/10/2018

Tổng số người tham dự: 42 người
(15 nữ, 02 dân tộc thiểu số)

HN thứ 7:

Địa điểm UBND xã Đăk Săk

Thời gian: 18/10/2018

Tổng số người tham dự: 47 người
(18 nữ, 08 dân tộc thiểu số)

HN thứ 8:

Địa điểm UBND xã Long Sơn

Thời gian: 19/10/2018

Tổng số người tham dự: 15 người
(05 nữ, 08 dân tộc thiểu số)

HN thứ 9:

Địa điểm UBND xã Đức Mạnh

Thời gian: 22/10/2018

Tổng số người tham dự: 42 người
(06 nữ, 04 dân tộc thiểu số)

HN thứ 10:

Địa điểm UBND xã Trúc Sơn

Thời gian: 23/10/2018

Tổng số người tham dự: 22 người

		(11 nữ, 05 dân tộc thiểu số) <i>HN thứ 11:</i> Địa điểm UBND xã Tâm Thắng Thời gian: 24/10/2018 Tổng số người tham dự: 50 người (15 nữ, 08 dân tộc thiểu số)
- Hoạt động 13: Cam kết đạt vệ sinh toàn xã	11	Tổng cộng: 11 bản cam kết/11 xã
- Hoạt động 14: Lập kế hoạch triển khai các hoạt động Chương trình năm 2018	11	Tổng cộng: Xây dựng 11 kế hoạch
- Hoạt động 15: giám sát, hỗ trợ thôn triển khai các hoạt động truyền thông	22	Tổng cộng: 22 thôn, bản của 11 xã
- Hoạt động 16: Hoạt động truyền thông cấp xã tại các xã đạt VSTX	11	Phát thanh 11 xã, 10 đợt/xã (thực hiện theo công văn hướng dẫn của Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh Đắk Nông) - Thực hiện cấp phát hơn 2000 tờ rơi, treo hơn 500 áp phích tuyên truyền tại 11 xã và hơn 200 bộ tranh lật giới thiệu các mô hình nhà tiêu giá rẻ
<i>Hoạt động cấp thôn</i>		
- Hoạt động 17: Lập bản đồ vệ sinh	126	Tổng cộng 126 bản đồ cho 126 thôn
- Hoạt động 18: Họp thôn tuyên truyền về vệ sinh	252	Tổng số: 252 cuộc (02 cuộc/thôn x126 thôn) Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/10 đến 25/12/2018. Với tổng số lượt người tham dự: là khoảng trên 5000 người, trong đó ước tính nữ là 1600 người, dân tộc thiểu số 1950 người.
- Hoạt động 19: Thăm hộ gia đình		Trung bình mỗi tuyên truyền viên thăm 10 hộ gia đình/tháng/thôn

		Tổng số 2520 lượt thăm hộ gia đình ở 11 xã (chủ yếu vận động các hộ gia đình xây dựng nhà tiêu cải thiện)
- Hoạt động 20: Hoạt động báo cáo giám sát Chương trình		Mỗi đơn vị 01 Chương trình năm 2018 sẽ thực hiện 01 bản báo cáo theo quy định
NGÀNH GIÁO DỤC		
- Hoạt động 21: Tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên triển khai chương trình BBC trong trường học	01	Số lượng: 01 lớp tập huấn Tổng số người tham dự: 102 Nam: 34, Nữ: 68 Dân tộc thiểu số: 05 Thời gian: 24/10/2018

Ghi chú:

- Cột “Mục tiêu”: điền số lượng các hoạt động
- Cột “Kết quả”: điền số lượng hoạt động, số lượng người tham gia, số lượng nam/ nữ, dân tộc thiểu số và thời gian thực hiện (ngày, tháng, năm)

BẢNG I-3: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN VỆ SINH TOÀN XÃ CỦA TỈNH (Chỉ số 1.2)

Huyện	Xã	% HGD có nhà tiêu cải thiện	Tỷ lệ % HGD có điểm rửa tay XP	% Trường học có nước sạch và nhà tiêu HVS	Tổng số học sinh	% Trạm y tế có nước sạch và nhà tiêu HVS	Tổng số Hộ gia đình trong xã	Tổng dân số của xã	% Hộ gia đình có chủ hộ là nữ	% Hộ gia đình là DTTS
Đắk Song	Xã Năm Njang	74,2	92	100	2.473	100	2,793	12,668	12,3	9,3
Đắk R'lấp	Xã Thuận Hà	70,1	93,7	100	959	100	1,544	6,948	9,5	19,6
	Xã Nhân Cơ	70,25	81	100	2.235	100	2,488	11,403	16,1	7,9
	Xã Nghĩa Thắng	75,14	91	100	1.723	100	1,716	8,708	21,38	6,23
	Xã Hưng Bình	65,8	86	100	278	100	1,034	4,873	4,1	25,9

	Xã Kiến Thành ¹	88,5	95,3	100	1.232	100	1.731	7.790	5,2	0,9
Đắk Mil	Xã Đắk Săk	76,7	94,3	100	4.221	100	3.320	16,106	8,7	8,2
	Xã Long Sơn	60,46	90,1	100	492	100	350	1,692	9,1	91,22
	Xã Đức Mạnh	88,59	98,5	100	2.844	100	3.346	15,183	15,5	1,7
Cư Jút	Xã Tâm Thắng	70,14	84,0	100	3.168	100	2,663	12,780	17,3	22,9
	Xã Trúc Sơn	66,6	80,5	100	631	100	778	3,501	8,6	19,79
Krông Nô	Xã Đức Xuyên	76,3	85	100	560	100	751	3,893	16,4	3,9
Tổng cộng		70,7		100	19.857	100	22,514	105,545		

BẢNG I-4: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐẦU NỐI CẤP NƯỚC (DLI 1.3)

BẢNG I-4: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐẦU NỐI CẤP NƯỚC (DLI 1.3)													Dành cho các CTCN do UBND xã quản lý			Dành cho tất cả các CTCN
Hệ thống Số	Tên Công trình	Địa điểm ¹	Tình trạng ²	Số đầu nối			Chất lượng nước		Nước thất thoát (%) ⁵	Doanh thu tiền nước	Chi phí VH&BD	Mô hình Quản lý ⁶	Biên bản tham vấn với người sử dụng nước ⁷	Quyết định thành lập Tổ VH&BD của UBND xã ⁸	Chứng chỉ/ Cam kết của UBND xã về việc đào tạo cho cán bộ VH ⁹	Tên các hoạt động IEC về nước sạch đã thực hiện ở địa bàn thi công công
				Theo kế hoạch	Thực tế đang hoạt động ³	Đầu nối mới và cải tạo	Tất cả các chỉ số ⁴	Arsen ¹								
1	Nâng cấp công trình cấp nước tập trung xã Trúc Sơn, huyện Cư Jút	Xã Trúc Sơn, huyện Cư Jút	OP	188	188	188	Đạt	Đạt	-	-	-	UBND xã	Có	Có	Chưa	
2	Nâng cấp công trình cấp nước tập trung xã EaPô, huyện Cư Jút	Xã EaPô, huyện Cư Jút	OP	700	700	700	Đạt	Đạt	-	-	-	UBND xã	Có	Có	Chưa	

¹ Xã Kiến Thành đã kiểm đếm vệ sinh hộ gia đình và trường học năm 2017, kết quả đều đạt, năm 2018 đề nghị kiểm đếm vệ sinh trạm y tế xã

	Jút															
3	Nâng cấp công trình cấp nước tập trung thôn 4 xã Thuận Hà, huyện Đăk Song	Xã Thuận Hà, huyện Đăk Song	OP	208	208	208	Đạt	Đạt	-	-	-	UBND xã	Có	Có	Chưa	
Có	Xử lý và khắc phục ô nhiễm công trình cấp nước xã Đăk Mol, huyện Đăk Song	Xã Đăk Mol, huyện Đăk Song	OP	139	139	139	Đạt	Đạt	-	-	-	Trung tâm Nước sạch				
TỔNG CỘNG				1.235	1.235	1.235										

Ghi chú:

- Xã và huyện
- Chuẩn bị đầu tư (PL)/ Đang thi công (UC) / Đưa vào hoạt động (CM) / Hoạt động (OP).
- Hoạt động (cấp nước 24/7 và cho phép tỷ lệ ngưng trệ bình quân 10% hàng tháng)
- Điền "Đạt được" hoặc "Không đạt được" so với Quy chuẩn QCVN 02: 2009/BYT của Bộ Y Tế hay bất kỳ chỉ số kế tục nào
- Số giờ trong khoảng thời gian 24 giờ mà CTN cung cấp nước cho mạng lưới, tính trung bình trong 3 tháng cuối của giai đoạn báo cáo, tức là kết quả từ tháng 10 đến tháng 12 của năm được báo cáo.
- Điền tên cụ thể của tổ chức, đơn vị vận hành: "Doanh nghiệp Nông thôn (REN), tư tài trợ và đơn vị quản lý phi lợi nhuận (NFP), hợp tác xã (COP), hoặc Tư nhân (IND)
- 7,8 và 9: Có hoặc Không (Dành cho các công trình CN do UBND xã quản lý)

BẢNG I-5: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DUY TRÌ VỆ SINH CÔNG CỘNG BÊN VỮNG (Chỉ số 2.2)

Huyện	Xã	Năm đạt VSTX	% trường duy trì được tình trạng vệ sinh	% trạm y tế duy trì được tình trạng vệ sinh

Tổng cộng	Xxx		
-----------	-----	--	--

BẢNG I-6: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DLI 3.1 - Kế hoạch và Báo cáo Chương trình hàng năm được công bố công khai

Kế hoạch Chương trình				Báo cáo Chương trình			
Được công bố công khai chưa?	Số Kế hoạch, ngày ký kế hoạch	Ngày đăng lên website	Đường link	Được công bố công khai chưa?	Số báo cáo, ngày ký kế hoạch	Ngày đăng lên website	Đường link
Rồi	Quyết định số: 113/QĐ-UBND ngày 22/01/2018	22/01/2018	http://daknong.gov.vn/web/guest/van-ban-dieu-hanh?p_p_id=400_WAR_portalvanbandieuhanhportlet&p_p_lifecycle=0&p_p_state=normal&p_p_mode=view&p_p_col_id=column-1&p_p_col_count=1&_400_WAR_portalvanbandieuhanhportlet_id=6701&_400_WAR_portalvanbandieuhanhportlet_mvcPath=%2Fhtml%2Fportlet%2Flist%2Fview_detail.jsp	Rồi	Báo cáo số: 248 /BC-SNN, ngày 30/01/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT về kết quả thực hiện Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	Ngày 30/01/2019	http://snnptnt.daknong.gov.vn/Báo_cáo

BẢNG I-7 – TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN DLI 3.2 - Kế hoạch Phát triển Năng lực Hàng năm đã phê duyệt được thực hiện

Các hoạt động Tăng cường năng lực (hoạt động cốt lõi) được thực hiện theo Kế hoạch Xây dựng Năng lực Hàng năm:		
Tên hoạt động	Mục tiêu	Kết quả
NGÀNH NÔNG NGHIỆP (Trung tâm nước tỉnh)		
- Hoạt động 1: Hội nghị triển khai Chương trình cấp tỉnh	01	Số lượng: 01 Hội nghị Tổng số người tham dự: 47 Nam: 44 , Nữ: 3, Dân tộc thiểu số: 1 Thời gian: 25/12/2018.
- Hoạt động 2: Họp Ban chỉ đạo Chương trình	02	Số lượng: 02 cuộc họp Tổng số người tham dự: 31 Nam: 39 , Nữ: 2, Dân tộc thiểu số: 2 Thời gian: Ngày 17/04/2018 và 13/8/2018
- Hoạt động 3: Tập huấn về Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình (POM)	01	Số lượng: 01 Hội nghị Tổng số người tham dự: 47 Nam: 44 , Nữ: 3, Dân tộc thiểu số: 1 Thời gian: 25/12/2018.
- Hoạt động 4: Hoàn thiện về thủ tục đầu tư các công trình cấp nước	01	Số lượng: 01 cuộc họp Tổng số người tham dự: 22 Nam: 22 , Nữ: 0, Dân tộc thiểu số: 1 Thời gian: 25/12/2018.
- Hoạt động 5: Tập huấn hướng dẫn thực hiện các vấn đề về giới và Dân tộc thiểu số		Số lượng: 01 cuộc họp Tổng số người tham dự: 17 Nam: 16, Nữ: 1, Dân tộc thiểu số: 1 Thời gian: 02 ngày, từ 18/12/2018 – 19/12/2018
- Hoạt động 6: Tập huấn sổ tay hướng dẫn vận hành và quản lý các công trình cấp nước dựa vào cộng đồng	02	Số lượng: 02 lớp tập huấn Tổng số người tham dự: 77 Nam: 71 , Nữ: 6, Dân tộc thiểu số: 1

		Thời gian: Ngày 26/12/2018 và 27/12/2018
- Hoạt động 7: Tập huấn về Thông tin Giáo dục Truyền thông (IEC) về cấp nước	02	Số lượng: 02 lớp tập huấn Tổng số người tham dự: 77 Nam: 71, Nữ: 6, Dân tộc thiểu số: 1 Thời gian: Ngày 26/12/2018 và 27/12/2018
NGÀNH Y TẾ		
Cấp tỉnh		
- Hoạt động 8: Tổ chức 01 lớp tập huấn truyền thông thay đổi hành vi và phát triển thị trường vệ sinh cho cán bộ tuyến tỉnh, huyện	01 lớp	Số lượng: 02 lớp tập huấn Tổng số người tham dự: 78 Nam: 27, Nữ: 51, Dân tộc thiểu số: 9 Thời gian: 04 ngày (31/7 - 01/8 và 09/8 - 10/8/2018)
- Hoạt động 9: Tập huấn cho cán bộ xã và CTV thôn về kiến thức và kỹ năng truyền thông về nhà tiêu HVS	08	<i>Lớp thứ nhất:</i> Địa điểm UBND xã Nhân Cơ Thời gian: 06-07/12/2018 Tổng số người tham dự: 23 người (11 nữ, 02 dân tộc thiểu số) <i>Lớp thứ 2:</i> Địa điểm UBND xã Nghĩa Thắng Thời gian: 08-09/12/2018 Tổng số người tham dự: 26 người (16 nữ, 01 dân tộc thiểu số) <i>Lớp thứ 3:</i> Địa điểm UBND xã Hưng Bình Thời gian: 10-11/12/2018 Tổng số người tham dự: 23 người (10 nữ, 05 dân tộc thiểu số) <i>Lớp thứ 4:</i> Địa điểm UBND xã Nậm N'Jang Thời gian: 12-13/12/2018 Tổng số người tham dự: 32 người (15 nữ, 05 dân tộc thiểu số)

		<p>số) <i>Lớp thứ 5:</i> Địa điểm UBND xã Thuận Hà Thời gian: 14-15/12/2018 Tổng số người tham dự: 24 người (13 nữ, 03 dân tộc thiểu số) <i>Lớp thứ 6:</i> Địa điểm UBND xã Đức Xuyên Thời gian: 17-18/12/2018 Tổng số người tham dự: 20 người (05 nữ, 02 dân tộc thiểu số) <i>Lớp thứ 7:</i> Địa điểm UBND xã Đăk Mil Thời gian: 21-22/12/2018 Tổng số người tham dự: 76 người (26 nữ, 07 dân tộc thiểu số) <i>Lớp thứ 8:</i> Địa điểm UBND xã Cư Jut Thời gian: 19-20/12/2018 Tổng số người tham dự: 56 người (23 nữ, 06 dân tộc thiểu số)</p>
<p>- Hoạt động 10: Đào tạo/hướng dẫn các nhân tố tư nhân (Chủ hoặc đại diện từ CHTI, cộng tác viên, thợ xây) và phát triển thị trường vệ sinh</p>	<p>9</p>	<p>Từ thời gian từ ngày 05 / 12 /2018 đến ngày 10 /12 /2018, đã hướng dẫn đào tạo tất cả các người chủ của 9 cửa hàng của 11 xã về các nội dung: - Giới thiệu sơ bộ và chương trình mở rộng quy mô vệ sinh nước sạch dựa trên kết quả thực hiện tại xã; - Tính toán tiềm năng kinh doanh về các mặt hàng phục vụ xây dựng nhà vệ sinh trên địa bàn xã và khu vực lân cận. - Hướng dẫn quy mô và mô hình tổ chức hoạt động và phát triển bền vững cửa hàng tiện ích. - Sự hỗ trợ và kết nối cửa hàng với đội ngũ cộng tác viên tuyên</p>

		truyền tại xã qua hoạt động quảng bá giới thiệu và hỗ trợ pháp lý của chính quyền địa phương khi tham gia chương trình.
NGÀNH GIÁO DỤC		
- Hoạt động 11: Tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên triển khai chương trình BBC trong trường học	01	Số lượng: 01 lớp tập huấn Tổng số người tham dự: 102 Nam: 34, Nữ: 68, Dân tộc Kinh: 97, Dân tộc thiểu số: 05 Thời gian: 24/10/2018

Ghi chú:

- Mục tiêu: Điền số lượng hoạt động theo kế hoạch

- Kết quả: Điền số lượng hoạt động đã thực hiện, số lượng người tham gia, số lượng nam, nữ và DTTS, ngày tháng năm thực hiện

II. KHUNG KẾT QUẢ

Chỉ số PDO và kết quả trung gian trong PAD

Bảng II-1: Quá trình thực hiện và khung kết quả:

Chỉ số kết quả		Lỗi	DLIs	Đơn vị tính	Khảo sát ban đầu	Năm 2018				
						Mục tiêu	Tự đánh giá kết quả đạt được			
<i>Mục tiêu phát triển của Chương trình (PDO): Cải thiện hành vi vệ sinh, tăng cường và duy trì tiếp cận vệ sinh và nước sạch ở các vùng nông thôn tại các Tỉnh tham gia Chương trình</i>										
						<i>Từ xã VSTX theo KH</i>	<i>Từ đầu nổi nước theo KH</i>	<i>Từ xã đạt được VSTX</i>	<i>Từ đầu nổi nước đạt được</i>	<i>Tổng số kết quả đạt được</i>
Chỉ số PDO 1: Người thụ hưởng Trực tiếp của Chương trình (phân tích theo % nữ, % hộ gia đình có chủ hộ là nữ và % hộ DTTS)	Tổng dân số	X		Số	0	88.648	16.810	88.648	5.063	93.711
	% nữ giới			%	-	47.50	48.59	46,20	31.59	
	Tổng số Hộ			số	19.708	4.100	19.708	1.235	20.943	
	% số hộ có nữ giới là chủ hộ			%	-	38.00	40,5	37,5	34.80	
	% hộ DTTS			%	-	28.50	33	29,5	30.33	
Chỉ số PDO 2: Hộ gia đình được tiếp cận với dịch vụ cấp nước bền vững (Phân tích theo giới: % hộ gia đình có chủ hộ là nữ)	Tổng số Hộ		X	Số lượng	0	Chỉ số này năm 2020 mới kiểm đếm				
% số hộ có nữ giới là chủ hộ										
Chỉ số PDO 3: Số xã đạt Vệ sinh toàn xã			X	Số lượng	0	12	09			
Chỉ số PDO 4: Số xã đạt VSTX bền vững (trường học và trạm y tế duy trì được tình trạng hợp vệ sinh)			X	Số lượng		02	Tỉnh chưa có xã đạt VSTX bền vững			

Chỉ số PDO 5: Phương pháp tiếp cận mới cho các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi và chuỗi cung ứng được đưa vào chương trình kế thừa của NTP3				Có/ Không	No	Có	Có
---	--	--	--	-----------	----	----	----

Lĩnh vực Kết quả Trung gian 1: Các hành vi vệ sinh chính thay đổi trong dân chúng và tăng cường tiếp cận đến các dịch vụ cơ bản

Chỉ số Kết quả Trung gian 1: Xây dựng và thực hiện các kế hoạch truyền thông thay đổi hành vi (BCC); ở cấp tỉnh, huyện và xã			X	Tỉnh	0	01	01
Chỉ số Kết quả Trung gian 2: Trường học đạt được thông qua các chiến dịch BCC mục tiêu				Số lượng	0	49	49
Chỉ số Kết quả Trung gian 3: Trạm y tế với các chương trình chăm sóc tiền sản được đưa vào trong BCC				Số lượng (tích lũy - hoạt động lặp đi lặp lại mỗi năm)	0	12	12
Chỉ số Kết quả Trung gian 4: Chương trình truyền thông (BCC) cấp quốc gia được triển khai				Có/ không	Không	Có	Có
Chỉ số Kết quả Trung gian 5: Tỷ lệ rửa tay xà phòng sau khi đi vệ sinh được tăng lên trong đối tượng mục tiêu, so sánh với những xã không có can thiệp của chương trình				%	0	40	40

Lĩnh vực Kết quả Trung gian 2: Có cơ sở hạ tầng nước và vệ sinh đầy đủ và trong tình trạng hoạt động

Chỉ số kết quả Trung gian 6: Đầu nối cấp nước hộ gia đình được cải tạo và xây mới đang hoạt động (FWSC) (chia theo giới)	Tổng số hộ đầu nối	X	X	Số lượng	0	4.100	1.235
	% hộ gia đình có nữ là chủ hộ			0	38.00	37.50	
Chỉ số Kết quả Trung gian 7: Trường học và trạm y tế có các công trình cấp nước và vệ sinh mới và được cải tạo	Tổng số			Số lượng	0	23	23
	Trường học					18	18
	Trạm y tế					05	05

Lĩnh vực Kết quả Trung gian 3: Năng lực thực hiện chương trình được cải thiện

Chỉ số Kết quả Trung gian 8: Các Kế hoạch và Báo cáo Chương trình hàng năm được công bố			X	Số lượng	0	01	01
Chỉ số Kết quả Trung gian 9: Các báo cáo về phản hồi của người thụ hưởng đã nhận được và phản hồi đã được sử dụng				Số tỉnh có báo cáo phản hồi của người thụ hưởng được lập và sử dụng	0	0	0
Chỉ số Kết quả Trung gian 10: Kế hoạch Phát triển Năng lực hàng năm đã phê duyệt của các Tỉnh được thực hiện			X	Số tỉnh đã thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt	0	01	01
Chỉ số Kết quả Trung gian 11: Các hệ thống sẵn sàng và được sử dụng để giám sát và hỗ trợ sự bền vững của diện vệ sinh toàn xã				Số xã có các hệ thống được lắp đặt sẵn sàng để theo dõi tình bền vững	0		

Ghi chú: Chỉ số PDO 1 được tính cho cả xã VSTX và đầu nổi nước mới

III. TUÂN THỦ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH TRONG NĂM BÁO CÁO

BẢNG III-1: TÓM TẮT TUÂN THỦ KHHD TỈNH	
Hành động 1	
Cơ sở dữ liệu về khiếu nại và phản hồi khiếu nại của người hưởng lợi đã được lập và duy trì	Có
Báo cáo hàng năm gửi cho Bộ NN-PTNT	Có
Hành động2	
(a) Tất cả các đề xuất đã được xem xét	Có
(b) DNNN Phụ thuộc bị loại	Không
(c) Không có công ty bị cấm	Không
Hành động3	
Kế hoạch và ngân sách hàng năm đã được phê duyệt ở cấp tỉnh	Rồi
Phân bổ ngân sách được thực hiện cho Chương trình và thời gian phân bổ ngân sách được thực hiện	Rồi
Phân bổ cho vệ sinh và truyền thông được thực hiện theo hướng dẫn liên bộ tương ứng	Rồi
Hành động4	
Xây dựng hướng dẫn để bảo đảm sự tham gia có hiệu quả và đảm bảo tham vấn với người dân địa phương, bao gồm cả các DTTS và các nhóm dễ bị tổn thương, trong đó cụ thể hóa các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam liên quan đến người DTTS thông qua quá trình tham vấn trước cởi mở và được cung cấp đủ thông tin	Có
Hành động5	
Triển khai hợp phần BCC của Chương trình theo Sổ tay Thực hiện Chương trình.	Có

BẢNG III-2: MÔ TẢ TUÂN THỦ VỚI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH				
Hành động	Tuân thủ với Hành động			
1. Các tỉnh tham gia Chương trình sẽ tăng cường tính minh bạch thông qua việc lưu trữ các khiếu nại của người dân về tham vấn cộng đồng/tham nhũng/quản lý tài chính/đấu thầu/thực hiện Chương trình trong một cơ sở dữ liệu và giải quyết các khiếu nại này. Thông tin sẽ được Bộ NN&PTNT tổng hợp ở cấp Quốc gia và định kỳ báo cáo cho	Số đơn khiếu nại được nhập vào cơ sở dữ liệu:			
	Tham vấn cộng đồng: 0	Tham nhũng: 0	QLTC và Đấu thầu: 0	Đấu thầu: 0
	Thực hiện chương trình: 0			
Số đơn khiếu nại được trả lời:				

Ngân hàng Thế giới.	Tham vấn cộng đồng: 0	Tham nhúng: 0	QLTC và Đấu thầu: 0	Đấu thầu: 0	Thực hiện chương trình: 0
<p>2. Cải thiện Phương thức đấu thầu thông qua việc đảm bảo:</p> <p>(a) Mọi hồ sơ dự thầu thiết kế chi tiết và giám sát thi công, cũng như hồ sơ dự thầu xây dựng công trình có giá thấp hơn hoặc cao hơn mức giá ước tính của gói thầu đều được đánh giá; (b) Các Doanh nghiệp nhà nước/phụ thuộc (của Tỉnh thực hiện đấu thầu hoặc Bộ NN&PTNT) sẽ không được tham gia dự thầu; và (c) Các công ty trong danh sách cấm của địa phương, quốc gia, hoặc Ngân hàng Thế giới không được tham gia dự thầu.</p>	Số đề xuất và dự thầu nhận được cho gói thầu:		Số đề xuất và dự thầu được đánh giá:		
	<ul style="list-style-type: none"> - Số gói thầu đấu thầu trực tiếp: 05 - Số gói thầu qua mạng: 0 - Số gói thầu chỉ định thầu: 12 - Số nhà thầu tham dự trực tiếp: 24 - Số nhà thầu tham dự qua mạng: 0 		<ul style="list-style-type: none"> - Số gói thầu đấu thầu trực tiếp: 05 - Số gói thầu qua mạng: 0 - Số gói thầu chỉ định thầu: 12 - Số nhà thầu tham dự trực tiếp: 24 - Số nhà thầu tham dự qua mạng: 0 		
	<p>Các biện pháp được thực hiện để đảm bảo DNNN và các công ty trong danh sách cấm bị cấm tham gia:</p>				
<p>3. Kế hoạch và ngân sách hàng năm sẽ được phê duyệt ở tất cả các cấp, và tiền sẽ được chuyển về kịp thời. Các hợp phần của hoạt động này bao gồm:</p> <p>(a) Kế hoạch và ngân sách hàng năm được phê duyệt ở tỉnh;</p> <p>(b) Phân bổ ngân sách thực hiện cho Chương trình và thời gian phân bổ ngân sách được thực hiện; và</p> <p>(c) Phân bổ cho vệ sinh và truyền thông được thực hiện theo hướng dẫn liên bộ tương ứng.</p>	<p>Tiến độ chuẩn bị kế hoạch, ngân sách hàng năm cho Chương trình:</p> <p>Quyết định số 113/QĐ-UBND, ngày 22/01/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt kế hoạch Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả, vay vốn Ngân hàng Thế giới WB năm 2018</p>				
	<p>Tiến độ phân bổ ngân sách thực hiện cho Chương trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1030/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông, Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 27/09/, Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 15/03/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông. - Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 10/04/2018 và Quyết định số 1183/QĐ-UBND, ngày 02/8/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông. 				
<p>4. Xây dựng hướng dẫn để bảo đảm sự tham gia có hiệu quả và đảm bảo tham vấn với người dân địa phương, bao gồm cả các DTTS và các nhóm dễ bị tổn thương, trong đó cụ thể hóa các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam liên quan đến người DTTS thông qua quá trình tham vấn trước khởi mở và được cung cấp đủ thông tin</p>	<p>Tình trạng xây dựng và thực hiện hướng dẫn làm việc với Dân tộc Thiểu số:</p> <p>Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh đã mở lớp tập huấn hướng dẫn làm việc với dân tộc thiểu số cho UBND các huyện (chủ đầu tư) tại Quyết định số 691/QĐ-SNN, ngày 05 tháng 11 năm 2018 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hợp phần 3: Nâng cao năng lực, truyền</p>				

	thông, giám sát, theo dõi, đánh giá của ngành Nông nghiệp và PTNT năm 2018 thuộc Chương trình	
5. Triển khai cấu phần BCC của Chương trình theo Sổ tay Thực hiện Chương trình.	Số tham vấn đã thực hiện với Dân tộc Thiểu số:	0
	Tóm tắt Tình trạng xây dựng và thực hiện cấu phần BCC:	
	Các hoạt động BBC của tỉnh Đắk Nông do trực tiếp Trung tâm Kiểm soát bệnh tật chủ động triển khai tại 11 xã can thiệp đạt vệ sinh toàn xã với sự phối hợp tốt với chính quyền địa phương và Sở Giáo dục và Đào tạo với 05 hoạt động chính theo hướng dẫn của Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình	
	Số các hoạt động được thực hiện theo kế hoạch BCC:	19
	Tập huấn cho cộng tác viên tuyên truyền về vệ sinh và bán hàng và thực hiện hướng dẫn thành lập và phát triển thị trường vệ sinh cho CHTI và thợ xây do được thực hiện tại ngay tại các cửa hàng bán vật liệu xây dựng có kinh doanh vật tư, thiết bị vệ sinh ở tại 11 xã thực hiện VSTX	

IV. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH.

	Ngày nộp/ thực hiện		
(a) Báo cáo tài chính:	Ngày/ tháng/ năm nộp báo cáo		
(b) Ngân sách hàng năm			
	Vốn đối ứng	Vốn vay lại	Vốn WB
Vốn sự nghiệp:	Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 10/04/2018 và Quyết định số 1183/QĐ-UBND, ngày 02/8/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông		
Đề xuất	189.000.000	0	1.270.000.000
Phân bổ	189.000.000	0	1.270.000.000
Giải ngân	189.000.000	0	745.611.139
Vốn đầu tư:	UBND các huyện (chủ đầu tư) bố trí vốn đối ứng	Quyết định số 1536/QĐ-UBND, 27/9/2018 của UBND tỉnh 06/7/2018	- Quyết định số 1030/QĐ-UBND, ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh - Quyết định số 1536/QĐ-UBND, 27/9/2018 của UBND tỉnh 06/7/2018
Đề xuất	0	5.173.000.000	43.475.400.000
Phân bổ	0	5.173.000.000	41.953.400.000
Giải ngân	0	4.367.100.000	13.524.023.000
(c) Đối chiếu	Ngày/ tháng/ năm	Ngày/ tháng/ năm	Ngày/ tháng/ năm
(d) Báo cáo kiểm toán	Ngày/ tháng/ năm	Ngày/ tháng/ năm	Ngày/ tháng/ năm

10	Cấp nước tập trung xã Năm N'Jang, huyện Đăk Song	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Dự án cấp nước sinh hoạt xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0

Bảng V-2: Dòng lao động

Các tác động xã hội bất lợi do lao động của nhà thầu gây ra

STT	Các tác động xã hội	Có	Không	Các biện pháp giải quyết		Tình trạng giải quyết	
1	Xung đột về tôn giáo, văn hóa và dân tộc		Không				
2	Tăng tội phạm và cách ứng xử bị cấm (trộm cắp, đánh nhau, lạm dụng vật chất, mại dâm, buôn bán người)		Không				
3	Tăng gánh nặng và cạnh tranh về cung cấp dịch vụ xã hội (ví dụ nước, điện, dịch vụ y tế, giao thông, giáo dục...)		Không				
4	Tăng các bệnh truyền nhiễm và gánh nặng lên dịch vụ y tế của địa phương		Không				
5	Bạo lực về giới (lạm dụng tình dục đối với phụ nữ và trẻ em nữ, quan hệ bóc lột tình dục, quan hệ tình dục vị thành niên)		Không				
6	Lao động trẻ em và bỏ học để đi lao động		Không				
7	Tăng tắc nghẽn và tai nạn giao thông		Không				

Giám sát dòng lao động của các nhà thầu

STT	Tên công trình	Số lượng công nhân của mỗi công trình		
		< 50 công nhân	=> 50-100	>100
1	Cải tạo hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Nam Thanh, xã Năm Ni'Đia, huyện Krông Nô	< 50 công nhân		
2	Cải tạo hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Quảng Hà, xã Năm Ni'Đia, huyện Krông Nô	< 50 công nhân		
3	Dự án, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các công trình cấp nước xã Đăk Ru, huyện Đăk R'lấp	< 50 công nhân		
4	Xây mới công trình cấp nước xã Đăk Wer, huyện Đăk R'lấp	< 50 công nhân		
5	Cấp nước tập trung khu vực xã Đăk Ha, huyện Đăk Glong	< 50 công nhân		
6	Cấp nước tập trung khu vực xã Quảng Sơn, huyện Đăk Glong	< 50 công nhân		

Bảng V-3: Giới và Dân tộc thiểu số:

#	Kết quả mong đợi	Chỉ số	Ngành nước	Ngành y tế	Ngành giáo dục	Tổng
1	NÂNG CAO NĂNG LỰC	Số người được đào tạo	194	747	102	1.043
2		Số người tham gia là nữ	12	270	68	350
3		% người tham gia là nữ	6,18	36,14	66,66	36,32
4		Số người tham gia là DTTS	6	136	5	153
5		% người tham gia là DTTS	3,09	18,20	4,90	8,67
6		# phụ nữ là giảng viên, tuyên truyền viên	0	0	0	0

VI. MÔI TRƯỜNG

- (a) Số lượng cán bộ được bổ nhiệm của PCERWASS chịu trách nhiệm về các khía cạnh môi trường của chương trình;
 (b) Số lượng cán bộ được bổ nhiệm của Sở Y tế chịu trách nhiệm về các khía cạnh môi trường của chương trình;
 (c) Báo cáo tiểu dự án (sử dụng bảng dưới đây)

Từ tới (giai đoạn báo cáo)	Số tiểu dự án.....						Quy tắc thực hành về môi trường được đưa vào tài liệu đầu thầu	Môi trường Giám sát đưa vào báo cáo tiến độ
tháng/nămtháng/năm	Nghiên cứu khả thi/thiết kế đã hoàn thành	ĐTM/KHBVMT được chuẩn bị	ĐTM/KHBVMT được phê duyệt	Giấy phép khai thác nước	Giấy phép xả nước			
Số lượng công trình cấp nước sử dụng nước mặt	2	2	2	Yêu cầu: 2 Nộp: 2 Cấp: 2	Yêu cầu: Nộp: ... Cấp: ...	-	-	
Số lượng công trình cấp nước và vệ sinh nông thôn sử dụng nước ngầm	9	9	2	Yêu cầu: 9 Nộp: 9 Cấp: 9	Yêu cầu: Nộp: ... Cấp: ...	-	-	
Số lượng công trình cấp nước và vệ sinh nông thôn sử dụng nước mặt	-	-	-	Yêu cầu: Nộp: ... Cấp: ...	Yêu cầu: Nộp: ... Cấp: ...	-	-	
Số lượng công trình cấp nước và vệ sinh sử dụng nước ngầm	-	-	-	Yêu cầu: Nộp: ... Cấp: ...	Yêu cầu: Nộp: ... Cấp: ...	-	-	
Số lượng đào tạo về môi trường được tiến hành trong giai đoạn báo cáo	0							
Thuyết minh về loại hình và phạm vi tác động môi trường đã được thảo luận trong ĐTM/KHBVMT	Bảo vệ môi trường xung quanh bao gồm: các biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý chất thải và làm sạch hành lang, thực hiện các biện pháp bảo vệ để đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường							
Nhận xét về việc đưa các biện pháp giảm nhẹ tác động vào thiết kế kỹ thuật, ví dụ như chọn địa điểm, xử lý bùn cặn, v.v) và hồ sơ mời thầu và hợp đồng.				Thực hiện các biện pháp giảm thiểu trong thiết kế kỹ thuật và các hồ sơ mời thầu mang tính chất ràng buộc của các công trình xây dựng cho các nhà thầu để bảo vệ môi trường tốt hơn.				
Nhận xét về các khía cạnh môi trường trong quá trình xây dựng: tác động, các biện pháp giảm nhẹ tác động do Nhà thầu thực hiện								

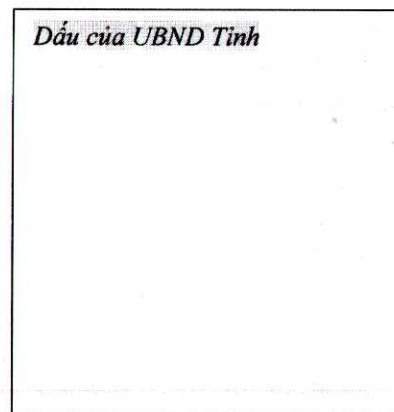
Các nhận xét khác về thông điệp môi trường trong các chiến dịch truyền thông	
Lượng nước ngầm và nước mặt được khai thác trong Chương trình	
Số khiếu nại về môi trường nhận được, mô tả quy trình thủ tục giải quyết khiếu nại và hồ sơ xử lý khiếu nại về vấn đề môi trường.	
Các nhận xét khác	

Chức danh: _____

Họ tên: _____

Chữ ký: _____

Ngày: _____



Phụ lục:

DANH SÁCH CÁC CỬA HÀNG ĐỒNG Ý THAM GIA CỬA HÀNG TIỆN ÍCH

STT	Huyện	Xã	Tên CHTI	Tên chủ CH	Địa chỉ	Ngày/ tháng thành lập	SĐT	Xã thị trường (xã CWS)	Hoạt động/ mặt hàng kinh doanh hiện tại	Số HGD mua nhà tiêu HVS của CH trong năm
1	Đăk R'láp	Hung Bình	Cửa hàng thép – đồ gia dụng Đoàn Quỳnh	Trịnh Văn Đoàn	Thôn 2	2012	0978.40.21.17	Hung Bình	Kinh doanh vật liệu xây dựng thiết bị vệ sinh	
2		Nghĩa Thắng	Đại lý Quốc Cường	Võ văn hoạt	Thôn quảng thuận	2011	0986.882.311	Nghĩa Thắng	Kinh doanh vật liệu xây dựng	
3		Nhân Cơ	Cửa hàng VLXD Minh Nhật	Hồ Thị Bích Lệ	Thôn 3	2013	0935.56.57.58	Nhân Cơ	Kinh doanh vật liệu xây dựng	
4	Đăk Song	Năm N'Jang	Cửa hàng VLXD Khiêm Nữ	Cao Văn Khiêm	Thôn 3	2015	0905.724.082	Năm N'Jang	Kinh doanh vật liệu xây dựng thiết bị nhà vệ sinh	
5		Thuận Hà	Cửa hàng VLXD Vân Trường	Ngô Văn Trường	Thôn 6	2014	0972.57.08.52	Thuận Hà	Kinh doanh vật liệu xây dựng	
6	Đăk Mil	Đức Mạnh	Cửa hàng VLXD Trung Tín	Nguyễn Hồng Sơn	Thôn Đức Lợi	2012	0815.81.79.39	Đức Mạnh	Kinh doanh vật liệu xây dựng	
7		Đăk Săk	Cửa hàng VLXD Hương Tý	Nguyễn Thị Hương	Thôn Thổ Hoàng 1	2002	0943.00.99.74	Đăk Săk	Kinh doanh vật liệu xây dựng	
8	Cư Jút	Trúc Sơn	Cửa hàng VLXD Lộc Phát	Lưu Quang Chiến	Thôn 3	2008	0979.74.48.39	Trúc Sơn	Kinh doanh vật liệu xây dựng	

9	Krông Nô	Đức Xuyên	Cửa hàng VLXD Đại Thọ	Nguyễn Đức Thọ	Xuyên Tân	2012	0977.775.776	Đức Xuyên	Kinh doanh vật liệu xây dựng nhưng không bán ống bi bê tông	
---	----------	-----------	--------------------------	-------------------	-----------	------	--------------	-----------	---	--